

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2024/HS-ST
Ngày 08-8-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Nhân Nghĩa.

2. Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Mai, Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Đông Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 34/2024/TLST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Thành N, sinh năm: 1996, nơi sinh: tỉnh Bến Tre. Nơi cư trú: Ấp BD, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Làm vườn; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn P, sinh năm: 1970 và bà Ngô Thị T, sinh năm 1975; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Trần Văn H, sinh năm: 1984 (đã chết).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Văn D, sinh năm: 1978.

Nơi cư trú: Ấp TN, xã TT, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Mộng L, sinh năm: 1980.

Nơi cư trú: Ấp PT, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

- Người làm chứng:

1. Bà Ngô Thị T, sinh năm: 1975.

Nơi cư trú: Ấp BD, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

2. Anh Nguyễn Thái N, sinh năm: 1992.

Nơi cư trú: Ấp BD, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

3. Anh Lê Hữu H, sinh năm: 1989.

Nơi cư trú: Ấp PT, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ ngày 21/6/2023, Lê Thành N điều khiển xe mô tô biển số 71H2-3356 lưu thông trên đường Huyện 23 hướng từ cầu Xẻo Tre đi Quốc lộ 57. Nhân điều khiển xe khi không có giấy phép lái xe theo quy định. Khi đến khu vực thuộc ấp Bình Đông 2, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre, Nhân điều khiển xe chuyển hướng sang phần đường trái để rẽ vào nhà thì xảy ra va đụng với xe mô tô biển số 71S7-1842 do anh Trần Văn H điều khiển lưu thông theo chiều ngược lại. Sau khi xảy ra tai nạn, người thân hai bên tự đưa người và phương tiện rời khỏi hiện trường, không trình báo đến cơ quan chức năng. Đến khoảng 08 giờ ngày 22/6/2023, người thân của anh H đến cơ quan Công an trình báo. Hậu quả anh H bị thương vùng đầu được đưa đi cấp cứu, điều trị đến 09 giờ 30 phút ngày 22/6/2023 tử vong.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm:

- Anh Lê Văn D giao nộp: 01 (một) xe mô tô biển số 71S7-1842, nhãn hiệu: STARFA, màu sơn: Đen, số khung: HY71001060, số máy: H-C70701060.
- Bà Ngô Thị T giao nộp: 01 (một) xe mô tô biển số 71H2-3356, nhãn hiệu: SIRIUS, màu sơn: Bạc - đen, số khung: 08Y-044495, số máy: C64-044495.
- Thu tại hiện trường: Mảnh vỡ nhựa phương tiện, cao su gát chân, mảnh vỡ gương xe.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường vào hồi 09 giờ ngày 22/6/2023 thể hiện: Hiện trường là đoạn đường thẳng trên đường Huyện 23 thuộc ấp BD, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre không bị che khuất, mặt đường được thảm nhựa rộng 06 mét, giữa đường có vạch kẻ sơn màu vàng chia mặt đường thành 02 chiều xe chạy riêng biệt nằm trong biển báo hiệu nguy hiểm “W207b”, “W207c” giao nhau với đường không ưu tiên. Chọn vạch kẻ tim đường làm chuẩn (chọn hướng khám nghiệm từ Ủy ban nhân dân xã HM đi cầu Xẻo Tre), ghi nhận dấu vết chính như sau:

- Vị trí vùng gương vỡ (KH1) của phương tiện: Để lại trên mặt đường nằm bên phần đường bên phải theo chiều khám nghiệm kích thước 1,9 mét x 1,3 mét, gần nhất cách đường chuẩn 1,4 mét, xa nhất cách đường chuẩn 3,2 mét.
- Vùng máu (KH2): Để lại trên mặt đường hình dạng không xác định kích thước 01 mét x 0,9 mét, gần nhất vùng máu bên phần đường trái theo chiều khám nghiệm cách đường chuẩn 0,13 mét, xa nhất vùng máu nằm bên phần đường phải theo chiều khám nghiệm cách đường chuẩn 0,8 mét, gần nhất vùng máu cách vùng gương vỡ 0,75 mét.

- Vị trí vùng vết cày (KH3): Nằm bên phần đường phải theo chiều khám nghiệm gồm nhiều vết cày có dạng cong đứt quãng kích thước dài nhất 0,43 mét rộng nhất 0,1 mét, gần nhất đầu vùng vết cày cách gần nhất vùng máu là 1,05 mét và cách đường chuẩn 1,33 mét, gần nhất cuối vùng vết cày cách đường chuẩn 1,4 mét.

- Vị trí vết cày 1 (KH4): Nằm bên phần đường phải theo chiều khám nghiệm có dạng thẳng nét liền dài 0,04 mét x rộng 0,04 mét, đầu vết cày 1 cách gần nhất đầu vùng vết cày là 0,66 mét, cách đường chuẩn 1,18 mét, cuối vết cày 1 cách đường chuẩn 1,22 mét.

- Vị trí vết cày 2 (KH5): Nằm bên phần đường phải có hướng theo chiều khám nghiệm có dạng thẳng nét liền dài 0,06 mét x 0,02 mét, đầu vết cày 2 cách đầu vết cày 1 là 0,3 mét và cách đường chuẩn là 1,34 mét, cuối vết cày 2 cách đường chuẩn 1,34 mét.

- Vị trí vết cày 3 (KH6): Nằm bên phần đường phải có hướng theo chiều khám nghiệm có dạng thẳng nét liền dài 0,16 mét x 0,03 mét, đầu vết cày 3 cách đầu vết cày 2 là 0,43 mét và cách đường chuẩn 1,6 mét, cuối vết cày 3 cách đường chuẩn 1,58 mét.

- Vị trí vết cày 4 (KH7): Nằm bên phần đường phải có hướng theo chiều khám nghiệm có dạng thẳng nét liền dài 0,16 mét x 0,03 mét, đầu vết cày 4 cách đầu vết cày 3 là 1,5 mét và cách đường chuẩn 2,14 mét, cuối vết cày 4 cách đường chuẩn 2,2 mét.

- Vị trí vết cày 5 (KH8): Nằm bên phần đường phải có hướng theo chiều khám nghiệm có dạng thẳng nét liền dài 0,17 mét x rộng 0,04 mét, đầu vết cày 5 cách đầu vết cày 4 là 1,09 mét và cách đường chuẩn 2,7 mét, cuối vết cày 5 cách đường chuẩn 2,74 mét.

- Vị trí vùng mảnh vỡ nhựa (KH9) gồm nhiều mảnh vỡ nhựa màu vàng, màu đen và cao su gác chân trước xe mô tô nằm trên mặt đường có kích thước 02 mét x 1,15 mét, gần nhất vùng mảnh vỡ nhựa nằm bên phần đường bên phải theo chiều khám nghiệm cách đầu vết cày 5 là 0,2 mét và cách đường chuẩn là 2,6 mét, xa nhất vùng mảnh vỡ nhựa nằm trong lề đường bên phải theo chiều khám nghiệm cách đường chuẩn là 4,63 mét.

Kết quả khám nghiệm phương tiện xe mô tô biển số 71S7-1842 ghi nhận các dấu vết chính như sau: Gương chiếu hậu trái đẩy lệch từ trước về sau; ốp bảo vệ đầu xe bị xước sơn bề bung hở; cụm đèn chuyển hướng bên trái bị bể, rời khỏi vị trí ban đầu; mặt nạ xe bị bể nhựa kích thước 21cm x 12cm bên trái mặt nạ xe có vết trầy xước sơn kích thước 05cm x 0,5cm; mặt ngoài đầu phuộc giảm sóc trước bên trái có vết trầy xước kim loại chiều hướng từ trước ra sau kích thước 04cm x 0,5cm cao nhất cách nền 27cm; đầu cần số bị đẩy lệch từ trước về sau; cần gác chân trước bên trái bị đẩy lệch từ trước về sau phần cao su bị mất; mặt ngoài phía dưới ốp bảo vệ lốc máy

bên trái có vết trầy xước sơn, kim loại kích thước 04cm x 0,5cm; yếm sườn xe có vết nứt bề nhựa kích thước 07cm x 0,1cm; ốp sườn xe bên trái có vết nứt, bề nhựa, kích thước 12cm x 02cm; đầu cần tay phanh bị gãy, mài mòn kim loại, kích thước 01cm x 0,5cm; đầu cần tay cầm bên phải bị mài mòn nhựa cao su, kích thước 04cm x 1,5cm; cần gác chân trước bên phải bị đẩy lệch từ trước về sau, phần cao su bị đẩy từ ngoài vào trong; đầu cần gác chân trước bên phải bị mài mòn kim loại, kích thước 03cm x 1,5cm; đầu cần gác chân sau bên phải bị mài mòn kim loại kích thước 3,5cm x 03cm; mặt ngoài phía trước bên phải tay cầm dắt có vết mài mòn cao su, kích thước 05cm x 01 cm; mặt ngoài phía dưới ống xả có vết mài mòn kim loại, kích thước 17cm x 03cm.

Kết quả khám nghiệm phương tiện xe mô tô biển số 71H2-3356 ghi nhận các dấu vết chính như sau: Phần gương của gương chiếu hậu bên trái bị bể rời khỏi vị trí ban đầu; bình chứa dầu phanh phía trước có vết mài mòn kim loại kích thước 02cm x 0,5cm; cần tay phanh có vết mài mòn kim loại kích thước 15cm x 01cm; bên phải ốp đầu xe và ốp bảo vệ đèn chuyển hướng bên phải có vết mài mòn nhựa kích thước 0,9cm x 2,5cm; đầu cần gác chân trước bên phải bị đẩy lệch từ trước về sau; đầu cần gác chân trước bên phải bị mài mòn bong tróc cao su kích thước 04cm x 03cm; mặt dưới đầu cần phanh chân có vết mài mòn kim loại kích thước 03cm x 1,5cm; cần chuyển số bị đẩy lệch từ trước về sau từ ngoài vào trong; mặt trong cần chuyển số có vết trầy xước kim loại kích thước 09cm x 0,5cm; mặt ngoài ốp bảo vệ lốc máy bên trái có vết trầy xước kim loại có chiều hướng từ trước về sau kích thước 06cm x 03cm, thấp nhất cách nền 27cm; cần gác chân trước bên trái bị đẩy lệch từ trước về sau.

Tại Phiếu kết quả xét nghiệm nồng độ cồn trong máu đối với Lê thành Nhân do Bệnh viện Đa khoa khu vực Cù Lao Minh thực hiện lúc 12 giờ 25 phút ngày 22/6/2023 là 00mg/100ml máu.

Tại Phiếu kết quả xét nghiệm nồng độ cồn trong máu đối với Trần Văn H do Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu thực hiện lúc 02 giờ 05 phút ngày 22/6/2023 là 206mg/100ml máu.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 112/KLGĐTT-KTHS ngày 06/7/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Bến Tre kết luận: Nạn nhân Trần Văn H chết do chấn thương sọ não gây vỡ xương hộp sọ, xuất huyết, tụ máu nội sọ và giập nhu mô não.

Tại Kết luận giám định số: 6681/KL-KTHS ngày 31/10/2023 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Phía trước bên trái xe mô tô biển số 71S1-1842 và phía trước bên trái xe mô tô biển số 71H2-3356 là vị trí va chạm đầu tiên giữa hai xe. Vị trí va chạm đầu tiên chiếu xuống mặt đường giữa hai xe thuộc phần đường bên phải đường Huyện 23 theo hướng từ Quốc lộ 57 đến cầu Xẻo Tre. Xe mô tô biển số 71S1-1842 chuyển động trên đường Huyện 23 theo hướng từ Quốc

lộ 57 đến cầu Xẻo Tre, xe mô tô biển số 71H2-3356 chuyển động theo hướng ngược lại.

Tại Kết luận giám định số: 6682/KL-KTHS ngày 31/10/2023 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Không đủ cơ sở xác định tốc độ của xe mô tô biển số 71S1-1842 và xe mô tô biển số 71H2-3356 khi tham gia tai nạn giao thông.

Tại Công văn số 57/C09B và 58/C09B cùng ngày 25/12/2023 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc đính chính kết luận giám định số 6681/KL-KTHS và số 6682/KL-KTHS cùng ngày 31/10/2023 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh như sau: Cụm chữ 71S1-1842 trong kết luận giám định số 6681/KL-KTHS và số 6682/KL-KTHS được đính chính là 71S7-1842.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại đồng ý với các kết luận giám định và không có yêu cầu khác.

Tại Cáo trạng số: 38/CT-VKSMCN ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre để xét xử đối với bị cáo Lê Thành N về “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (sau đây gọi tắt là Bộ luật Hình sự).

Tại phiên tòa:

Bị cáo giữ nguyên lời khai như trong quá trình điều tra, truy tố và thừa nhận hành vi đã thực hiện theo nội dung bản cáo trạng, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo; người đại diện hợp pháp của bị hại, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Mộng L giữ nguyên lời khai như trong quá trình điều tra và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; người làm chứng bà Ngô Thị T giữ nguyên lời khai như trong quá trình điều tra; người làm chứng anh Nguyễn Thái N và anh Lê Hữu H vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, cho rằng: Việc truy tố hành vi của bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên bảo lưu toàn bộ nội dung cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Lê Thành N phạm “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Thành N từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 585, 586, 589 và 591 của Bộ luật Dân sự:

Bị cáo đã thỏa thuận và bồi thường xong thiệt hại cho gia đình bị hại với tổng số tiền 273.000.000 đồng, cụ thể: Chi phí điều trị và đi lại là 10.000.000 đồng, mai táng phí là 40.000.000 đồng, chi phí sửa xe mô tô biển số 71S7-1842 là 2.000.000 đồng, tiền bù đắp tổn thất về tinh thần là 180.000.000 đồng và tiền cấp dưỡng nuôi con của bị hại đến khi đủ 18 tuổi là 41.000.000 đồng. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường gì thêm nên ghi nhận.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, tỉnh Bến Tre trả cho người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Mộng L: 01 (một) xe mô tô biển số 71S7-1842, nhãn hiệu: STARFA, màu sơn: Đen, số khung: HY71001060, số máy: H-C70701060; mảnh vỡ nhựa phương tiện và cao su gát chân. Trả cho bà Ngô Thị T: 01 (một) xe mô tô biển số 71H2-3356, nhãn hiệu: SIRIUS, màu sơn: Bạc - đen, số khung: 08Y-044495, số máy: C64-044495 và mảnh vỡ gương xe.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Người làm chứng anh Nguyễn Thái N và anh Lê Hữu H vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Xét thấy, anh Ngọc và anh Hiệu đã có lời khai cụ thể, rõ ràng tại Cơ quan Cảnh sát điều tra và việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người làm chứng nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Bị cáo Lê Thành N thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa. Do đó, có đủ căn cứ để xác định:

Khoảng 22 giờ 05 phút ngày 21/6/2023, Lê Thành N không có giấy phép lái xe theo quy định nhưng lại điều khiển xe mô tô biển số 71H2-3356 lưu thông trên đường Huyện 23 hướng từ cầu Xẻo Tre đi Quốc lộ 57. Khi đến khu vực thuộc ấp BD, xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre, Nhân điều khiển xe đi không đúng phần đường quy định dẫn đến va đụng với xe mô tô biển số 71S7-1842 do anh Trần Văn H điều khiển lưu thông theo hướng ngược lại. Hậu quả làm anh Trần Văn H chết.

Bị cáo là người thành niên, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo là thanh niên trẻ, có học thức nhưng lại có ý thức chấp hành pháp luật kém biết mình không có giấy phép lái xe theo quy định nhưng vẫn điều khiển phương tiện tham gia giao thông, điều khiển xe đi không đúng phần đường quy định. Hành vi của bị cáo đã vi phạm khoản 9 Điều 8, khoản 1 Điều 9 của Luật Giao thông đường bộ; hành vi đó đã vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ và sự an toàn về tính mạng của người khác. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Thành N phạm “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng số: 38/CT-VKSMCN ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre truy tố hành vi phạm tội của bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Bà Ngô Thị T là chủ sở hữu xe mô tô biển số 71H2-3356, bị cáo Nhân tự ý lấy xe sử dụng, bà Tiên không giao xe và không biết việc bị cáo lấy xe đi nên không xem xét, xử lý đối với hành vi nêu trên.

[4] Mặc dù, việc gây ra tai nạn giao thông là lỗi vô ý, bản thân bị cáo không mong muốn nhưng đã gây ra hậu quả nghiêm trọng làm một người chết gây đau thương mất mát cho gia đình bị hại. Xét thấy, tính chất của hành vi phạm tội là nghiêm trọng, hiện nay tình hình an ninh trật tự liên quan đến loại tội phạm này xảy ra trên địa bàn ngày càng gia tăng và phức tạp. Bên cạnh đó, người tham gia giao thông luôn chủ quan, điều khiển phương tiện giao thông bất chấp luật giao thông đường bộ nên cần xem xét áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật và tạo tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm.

[5] Trong lượng hình Hội đồng xét xử xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, cụ thể:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại; trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải - đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51. Ngoài ra, người đại diện hợp pháp của bị

hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, sự việc xảy ra cũng có một phần lỗi của bị hại do bị hại điều khiển phương tiện tham gia giao thông trong tình trạng có sử dụng rượu, bia - đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 và nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 nên xem xét áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[5.3] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Đồng thời, căn cứ vào tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội gây ra. Xét thấy, bị cáo đáp ứng các điều kiện để được xem xét cho hưởng án treo theo quy định nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, chịu sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: “Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề và làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”. Qua xem xét về điều kiện, hoàn cảnh sống của bị cáo Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo tự nguyện thỏa thuận bồi thường xong thiệt hại cho gia đình bị hại số tiền 273.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi ba triệu đồng), cụ thể: Chi phí điều trị và đi lại là 10.000.000 đồng, mai táng phí là 40.000.000 đồng, chi phí sửa xe mô tô biển số 71S7-1842 là 2.000.000 đồng, tiền bù đắp tổn thất về tinh thần là 180.000.000 đồng và tiền cấp dưỡng nuôi con của bị hại đến khi đủ 18 tuổi là 41.000.000 đồng. Người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê D là chủ sở hữu xe mô tô biển số 71S7-1842, sau tai nạn xe bị hư hỏng nhưng gia đình bị hại đã sửa chữa và trả lại xe cho chủ sở hữu nên không có yêu cầu gì trong vụ án này. Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của các đương sự và phù hợp với Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 586, 589 và 591 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên ghi nhận.

[8] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, tỉnh Bến Tre trả cho người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Mộng L: 01 (một) xe mô tô biển số 71S7-1842, nhãn hiệu: STARFA, màu sơn: Đen, số khung: HY71001060, số máy: H-C70701060; mảnh vỡ nhựa phương tiện và cao su gát chân. Trả cho bà Ngô Thị T: 01 (một) xe mô tô biển số 71H2-3356, nhãn hiệu: SIRIUS, màu sơn: Bạc - đen, số khung: 08Y-044495, số máy: C64-044495 và mảnh vỡ

gương xe theo Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số: 98/QĐ-ĐTTH ngày 19 tháng 02 năm 2024. Xét thấy, việc trao trả vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, tỉnh Bến Tre là phù hợp theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên ghi nhận.

[9] Xét luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm:

Bị cáo Lê Thành N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lê Thành N phạm “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thành N 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 08/8/2024.

Giao bị cáo Lê Thành N cho Ủy ban nhân dân xã HM, huyện M, tỉnh Bến Tre phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

[3] Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Thành N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

[5] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện M;
- Công an huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã HM;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Nguyễn Hồng Dân